

PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VIỆT NAM TRƯỚC THÁCH THỨC CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Trịnh Thị Kim Ngọc*

Đặt vấn đề

Thế giới những năm đầu thế kỷ XXI đang phải đối mặt với những thách thức khôn lường của phát triển: đói nghèo, bất bình đẳng, xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng hoảng tài chính và những biến động môi trường. Đặc biệt, chưa bao giờ loài người phải chứng kiến những vấn đề nghiêm trọng của cuộc sống do biến đổi khí hậu (BĐKH) gây ra như hiện nay. Chính vì vậy, trong vài thập niên gần đây, các vấn đề của BĐKH đang trở thành mối quan tâm lớn nhất của các liên minh quốc tế, của các chính phủ ở mọi quốc gia và nhiều tổ chức quốc tế có uy tín: LHQ, FAO, OCDE, WHO, NATO và nhiều tổ chức khác.

Các nhà khoa học khí tượng cho rằng, BĐKH trái đất là sự thay đổi của hệ thống khí hậu hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo: mà nguyên nhân chính là sự gia tăng các hoạt động tạo ra các chất thải khí gây hiệu ứng nhà kính, các hoạt động khai thác quá mức các bể hấp thụ và bể chứa khí nhà kính (sinh khối, rừng, các hệ sinh thái biển) của con người. Phiên họp tại Baly (cuối) Chương trình liên quốc gia về BĐKH (IPCC) đã tuyên bố: *Trái đất đang nóng lên và biến đổi khí hậu là không thể tránh khỏi*, nó có khả năng khuynh đảo từng vùng rộng lớn trên địa cầu,... không một nơi nào tránh khỏi. Nếu không có giải pháp ứng phó và ngăn chặn hiện tượng khí quyển nóng lên, thì nhân loại đang đứng trước hiểm họa khôn lường.

1. Quan điểm phát triển con người của UNDP và nhận định về những nguy cơ của BĐKH

Quan điểm phát triển con người của UNDP do Mahbub ul Haq đề xuất vào đầu thập kỷ 90, cho tới nay vẫn được coi là một quan điểm nhân văn nhất, thể hiện một cách tiếp cận tổng thể, hệ thống với con người, *coi con người là trung tâm của phát triển và phát triển là sự mở rộng phạm vi lựa chọn của con người để đạt đến một cuộc sống trường thọ, hạnh phúc bền vững và có ý nghĩa, xứng đáng với con người*¹. Tiếp cận nêu trên có thể được áp dụng cho bất kỳ quốc gia nào. Nó không chỉ xem xét phát triển riêng về mặt vật chất, biểu hiện ở những thành tố cơ bản của cuộc sống: *thu nhập, tuổi thọ và giáo dục*, mà còn chú trọng tới những cơ hội lựa chọn của con người, có thể đạt được thông qua việc phát triển năng lực của bản thân họ². Quan điểm này đã

* TSKH. Viện Nghiên cứu Con người, Viện KHXH Việt Nam

chính thức lượng hoá được chất lượng và tiềm năng phát triển quốc gia, thông qua việc xếp hạng HDI của các quốc gia đó trong bức tranh so sánh toàn cầu.

Ý tưởng phát triển, trong đó lấy con người làm trung tâm với đúng nghĩa cao đẹp của nó “*là của cải đích thực của một quốc gia*” được UNDP công bố ngay từ HDR đầu tiên (1990) và được phát triển sâu sắc hơn trong các HDRs, đánh dấu một sự thay đổi cơ bản về quan điểm phát triển thế giới. Cho tới nay, UNDP đã công bố hơn 600 HDRs ở các cấp, do hơn 140 quốc gia cùng phối hợp xây dựng³. Tuỳ vào bối cảnh toàn cầu hay khu vực vào những thời điểm khác nhau, các HDRs đều hướng tới giải quyết những vấn đề cấp bách nhất, là những thách thức mà loài người đang phải đối mặt, có tác động ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống nhân loại, đồng thời đưa ra phân tích các vấn đề của phát triển trên một diễn đàn rộng lớn, mở ra những chương trình hành động vì mục tiêu phát triển bền vững (PTBV) và Ptr. CN trên phạm vi toàn cầu.

Ra đời đúng vào thời điểm của những diễn biến phức tạp của BĐKH, UNDP coi đó là thách thức lớn nhất của Ptr. CN và lấy chủ đề *Cuộc chiến chống BĐKH: đoàn kết nhân loại trong một thế giới phân cách...* làm cho tên gọi của HDR2007-2008. Mặc dù, trong thành phần của HDI không thể hiện rõ chỉ số môi trường, những tác động của môi trường (BĐKH) đã và sẽ hiển nhiên là đều dẫn tới nghèo đói, bệnh tật, suy giảm chất lượng cuộc sống và đang là hình thức vi phạm những quyền cơ bản của con người. Chính vì vậy, các chuyên gia UNDP coi BĐKH là vấn đề nghiêm trọng nhất của Ptr. CN. Báo cáo cũng làm một lời cảnh báo: *BĐKH là nguy cơ gây “thảm họa song trùng”, những mối hiểm họa lâu dài đối với toàn nhân loại, nó đã đẩy lùi và có thể chặn đứng những tiến bộ về phương diện Ptr. CN trên toàn thế giới trong thế kỷ XXI. Nếu chúng ta không đoàn kết và tích cực ứng phó từ bây giờ, thì có thể 2,6 tỷ dân nghèo trên thế giới sẽ đứng trước một tương lai vô vọng*⁴. HDR 2007-2008 cũng nhấn mạnh Lời kêu gọi của Tổng thư ký LHQ Ban Ki Mun như một hồi chuông cảnh tỉnh cho những nỗ lực mới của nhân loại là cần phải đề cao trách nhiệm hơn đối với môi trường và trái đất - ngôi nhà chung của cả nhân loại.

Báo cáo của các chuyên gia IPCC cuối năm 2007 đã cho thấy rõ hơn bức tranh về cuộc sống nhân loại trước những thảm họa cũng như hiểm họa của BĐKH hiện nay và tương lai: chất lượng cuộc sống trên toàn cầu và các thành quả của con người đang có dấu hiệu thụt lùi bởi những biến động ngày càng gia tăng của môi trường: nước ngập, sóng thần, bão lụt, hạn hán...; Thiên tai liên tục gia tăng đẩy những nước đang phát triển vào cảnh bất ổn và nghèo đói cùng cực; dịch bệnh, nạn đói và xung đột đang gặm mòn cuộc sống của cả trăm triệu người ở các quốc gia nghèo khu vực châu Phi, cận Sahara và Nam Á, cướp đi hàng chục triệu sinh mệnh của họ hàng năm; bất bình đẳng giữa các nước, giữa các cộng đồng dân cư đang gia tăng dẫn đến khả năng chịu rủi ro và năng lực ứng phó với BĐKH giữa các quốc gia (phát triển và đang phát triển) chênh lệch nhau đến 79 lần. Trong tương lai, khi nước biển dâng cao, diện tích đất ở thu hẹp, các trào lưu di dân sẽ biến động và trở nên khó kiểm soát, cùng với xu hướng cạn kiệt dần của các nguồn sống cho con người... nguy cơ dẫn đến xung đột, chiến tranh và bất ổn về an ninh chính trị là điều khó tránh khỏi.

2. Phát triển con người Việt Nam trong cuộc chiến chống BĐKH

2.1. Khái quát về Ptr. CN Việt Nam:

Quan điểm Ptr. CN của UNDP *không ngừng mở rộng các cơ hội lựa chọn và nâng cao năng lực lựa chọn cho người dân vươn tới cuộc sống hạnh phúc....*, hoàn toàn phù hợp với Chủ trương và mục tiêu lãnh đạo của Đảng ta: *Xây dựng nước Việt Nam “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*. Việt Nam là một trong những quốc gia tham gia công bố HDI từ những năm đầu tiên (1991) và cho tới nay HDI của Việt Nam đã có mặt thường niên trong các HDRs toàn cầu. Năm 2001, HDR quốc gia đầu tiên do các chuyên gia Việt Nam xây dựng dưới sự hỗ trợ của UNDP, có tên: **Đổi mới và Ptr. CN Việt Nam**, đã được công bố. Báo cáo được UNDP tặng thưởng (2002) và đánh giá cao về vai trò tác động chính sách. Tiếp theo đó, HDR quốc gia 2006 đã tổng kết những thành công đáng ghi nhận trong Ptr. CN, đồng thời chỉ rõ không ít thách thức mà đất nước đang phải đối mặt. Hiện nay, các chuyên gia của Viện KXXH Việt Nam (VASS) đang triển khai đo đạc và công bố HDI Việt Nam 2010.

Nhìn chung, sau 20 năm Đổi mới, Việt Nam đã tạo được sự tăng trưởng ngoạn mục về kinh tế, GDP quốc gia luôn được giữ ở mức cao, ổn định từ sau khi gia nhập WTO; hoạt động giao dịch thương mại quốc tế được đẩy mạnh và đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng, tạo điều kiện để nước ta vượt lên trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình; chất lượng cuộc sống ở nước ta trong những năm qua đã được nâng lên rõ rệt. Về cơ bản Việt Nam đã xoá được nạn đói, hoàn thành trước thời hạn cam kết về tỷ lệ giảm nghèo quốc gia (giảm từ 58,3% (1994) xuống 14,7% (2007); tạo được những thành tựu to lớn trong y tế và giáo dục: tuổi thọ trung bình của dân số là 71,3 (2007), vượt lên thứ 56/177, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm nhanh từ 51,5% (1990) xuống 23% (2007); Tỷ lệ chết trẻ dưới 1 tuổi giảm từ 44,4% (1989) xuống 15,8% (2007). Việt Nam đã phổ cập xong tiểu học, số năm đi học bình quân của người dân là trên 7 năm; chỉ số giáo dục hiện giữ vị trí thứ 79/177(2007); Việt Nam đã khắc phục được đáng kể các vấn đề xã hội, đưa chỉ số HDI vượt lên được 15 bậc trong xếp hạng toàn cầu: từ 0,539 ở vị trí 120/170 (năm 1995) đến 0,733 xếp hạng 105/177 (năm 2007) (*xem bảng 1*).

Tuy nhiên, nhìn chung nước ta vẫn là quốc gia có thu nhập thấp, vẫn còn một bộ phận chiếm 14,7% dân số (vùng sâu vùng xa, vùng ven biển) vẫn sống ở dưới ngưỡng nghèo...; khoảng cách bất bình đẳng xã hội đang có xu hướng gia tăng; chất lượng giảm nghèo chưa bền vững, do đó một tỷ lệ đáng kể dân cư vừa thoát nghèo có nguy cơ tái nghèo cao. Đây cũng là những trở ngại đáng kể đối với khả năng ứng phó tổng thể của Việt Nam trong tương lai để vượt qua nhiều nguy cơ dễ bị tổn thương dưới tác động của BĐKH.

Bảng 1: Chỉ số phát triển con người Việt Nam trong 18 năm trở lại đây

<i>Năm</i>	<i>Tuổi thọ</i>		<i>GDP (tính theo PPP)</i>		<i>Giáo dục</i>			<i>HDI</i>	
	Năm	Chỉ số	GDP /người	Chỉ số	TL 15 tuổi trở lên biết chữ (%)	Tỷ lệ người đi học (%)	Chỉ số	Chỉ số	Xếp hạng
1990	62,0	0,62	1000	0,38	80	-	-	-	-
1995	65,2	0,63	1010	0,38	91,9	49	0,78	0,539	120/170
1996	65,5	0,63	1040	0,39	92,5	51	0,79	0,540	121/174
1997	66,0	0,63	1208	0,42	93,0	55	0,80	0,557	121/175
1998	66,4	0,64	1236	0,42	93,7	55	0,81	0,560	122/174
1999	67,4	0,71	1630	0,47	91,9	62	0,82	0,644	110/174
2000	67,8	0,71	1684	0,47	92,2	63	0,83	0,671	108/174
2001	67,8	0,71	1860	0,49	93,1	67	0,84	0,682	101/162
2002	68,2	0,72	1996	0,50	93,4	67	0,84	0,688	109/173
2003	68,6	0,73	2070	0,51	92,7	64	0,83	0,688	109/175
2004	69,0	0,73	2300	0,52	90,3	64	0,82	0,691	112/177
2005	70,5	0,76	2490	0,54	90,3	64	0,82	0,708	108/177
2006	70,8	0,76	2745	0,55	90,3	63	0,81	0,709	108/177
2007	73,7	0,79 9	3071	0,572	92,4	82,4	0,81 5	0,733	105/177

Nguồn: Báo cáo phát triển con người (HDR) của UNDP qua các năm

2.2. Những tác động của BĐKH đối với Ptr. CN Việt Nam:

Theo quan điểm Ptr. CN, báo cáo không chỉ xem xét mức độ ngập nước, tác động của triều, dự báo bão, ảnh hưởng đến năng suất nông nghiệp,... mà sẽ nhìn nhận BĐKH một cách khoa học toàn diện về chất lượng cuộc sống: những lợi ích và thiệt hại về kinh tế, sự tổn thương của người nghèo, các vấn đề xã hội đang đặt ra và các quyền cơ bản của con người đang bị vi phạm; tác động của an ninh môi trường đến an ninh quốc gia v.v..... Trên cơ sở đó, đề xuất với Chính phủ một số giải pháp nhằm ứng phó tốt hơn với BĐKH, nhằm giảm thiểu những tác động không mong muốn của nó tới Ptr. CN Việt Nam.

Ở một mức độ nhất định, BĐKH cũng có thể có tác động tích cực trong việc thúc đẩy đổi mới công nghệ, phát triển các công nghệ sạch, công nghệ thân môi trường; phát triển trồng rừng hấp thu CO₂ để giảm thiểu khí nhà kính; ở một số vùng ôn đới, nhiệt độ tăng sẽ tạo thuận lợi mở rộng giống cây trồng và ĐDSH, tiết kiệm năng lượng sưởi ấm v.v... Tuy nhiên, với 3 biểu hiện chủ yếu: 1) Nhiệt độ trung bình, tính biến động của thời tiết đều gia tăng; 2) Mức nước biển dâng lên do sự tan băng ở 2 cực và từ các đỉnh núi cao; 3) Thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan: nắng nóng, giá rét, bão biển, lũ lụt, hạn hán... đang xảy ra bất thường với tần suất và cường độ

tăng lên, thì BĐKH có tác động tới toàn bộ nền kinh tế và các hoạt động của cuộc sống, nó không chỉ đẩy lùi những thành quả Ptr. CN Việt Nam, cản trở việc hoàn thành các MDGs đã cam kết, mà còn là “hiểm họa” đe dọa cuộc sống của các thế hệ tương lai của chúng ta.

Cùng với những đặc thù về vị trí địa lý, khí hậu, địa hình, địa bàn dân cư và hình thái kinh tế..., Việt Nam đứng vào hàng thứ 4/6 quốc gia đầu tiên trên thế giới sẽ phải chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của BĐKH. Về thách thức của BĐKH đối với nước ta, trong lễ công bố HDR 2007-2008 tại Hà Nội, ông John Hendra, điều phối viên thường trú LHQ tại Việt Nam, khẳng định: *“Chúng ta đã thấy rõ hệ quả của việc tăng nhiệt độ ở Việt Nam. Bão lụt ngày càng diễn biến phức tạp, triều cường đang đạt mức đỉnh trong vòng 50 năm qua, gây thiệt hại nhiều tại các tỉnh duyên hải và Nam bộ. Việt Nam là một nước dễ bị ảnh hưởng bởi sự biến đổi khí hậu vì có 1 bờ biển dài. Đồng thời, Việt Nam cũng là nước có cơ hội và ảnh hưởng đến các quyết định quốc tế, nhất là tại Hội nghị toàn cầu sắp tới của LHQ ở Baly về biến đổi khí hậu”*⁵.

2.3. Nguy cơ về mực nước biển dâng cao, thu hẹp tài nguyên đất, sẽ làm suy giảm phúc lợi quốc gia, đe dọa an ninh lương thực:

Quan điểm Ptr. CN không đặt mục tiêu là chỉ phát triển kinh tế, tuy nhiên, những thành quả kinh tế lại có ý nghĩa đặc biệt đối với Ptr. CN, nó tạo những tiền đề vật chất quan trọng để mở rộng cơ hội lựa chọn và nâng cao năng lực phát triển cho người dân. Khí hậu nóng lên làm mực nước dâng cao, cùng với những biểu hiện cực đoan của nó như: bão lụt, hạn hán, suy thoái đất và nước... đều là những nguy cơ đe dọa an ninh kinh tế. Đặc biệt, với một quốc gia có nền kinh tế nông nghiệp và có tới gần 70% dân số ở nông thôn, thì BĐKH sẽ là những nguy cơ, tác động trực tiếp tới Ptr. CN về thu nhập, tới an ninh lương thực quốc gia, cản trở giảm nghèo và nhiều cơ hội phát triển khác.

Trải dọc theo duyên hải biển Đông với 3.260 km bờ biển, Việt Nam nằm đúng trên đường di chuyển của bão vùng Tây - Bắc Thái Bình Dương, với 3/4 lãnh thổ là đồi núi; khu đất thấp là nơi tập trung đông dân cư, các trung tâm kinh tế và 2 vựa lúa lớn nhất của cả nước có nghĩa. Các chuyên gia khí tượng cho rằng, hàm lượng CO₂ trong bầu khí quyển hiện nay đang cao hơn mọi thời kỳ trong suốt 650 năm qua, làm các tảng băng ở 2 cực tan nhanh, đẩy mực nước biển dâng mạnh. Mặc dù các dự báo về mực nước biển dâng có thể còn khác nhau trong nhiều kịch bản. Tuy nhiên, với tốc độ như hiện nay, ở nhiều khu vực tại ĐBSH và ĐBSCL, nơi tập trung nhiều cơ sở kinh tế và công trình văn hoá của đất nước, có thể nhiều diện tích đất đai màu mỡ và hàng triệu nhà cửa của dân có thể sẽ bị ngập chìm. Nghiên cứu những “tác động tiềm tàng” của BĐKH khi mực nước dâng cao, cho thấy: với kịch bản mực nước biển dâng cao 1m sẽ làm ngập úng và phá hủy khoảng 5% diện tích đất đai của cả nước và 45% đất trồng trọt của ĐBSCL, có thể làm giảm tới 7% sản lượng nông nghiệp và 10% thu nhập quốc dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của 11% dân số⁶. Nếu nhiệt độ tăng thêm 2⁰C, thì khoảng 22 triệu người sẽ phải di dời, tức trên 1/5 dân số sẽ trở thành “người vô gia cư, bản quán”. Đây là một thách thức nghiêm trọng đối với nền kinh tế đất nước

trong tương lai, khi cần phải có một nguồn kinh phí khổng lồ để di dời chỗ ở và ổn định cuộc sống cho vài chục triệu dân.

Nước biển dâng gây hiện tượng ngập lụt, mất nơi cư trú và diện tích sản xuất (nông nghiệp, thủy sản và làm muối), gây nhiễu loạn các hệ sinh thái (HST) truyền thống. Hiện tượng xâm nhập mặn sẽ gia tăng, các HST đất ngập nước ven biển, nhất là rừng ngập mặn, môi trường sống của các loài thủy hải sản, bức tường chắn sóng và giảm tác động của sóng, bão, nguồn sống hàng ngày của dân cư sẽ bị thu hẹp. Các cơ sở hạ tầng nhất là các cảng, khu công nghiệp, giao thông sẽ bị tác động mạnh, thậm chí sẽ phải cải tạo, nâng cấp hoặc di dời. Và mỗi hoạt động khắc phục hiệu quả đều đòi hỏi phải có một nguồn ngân sách đáng kể. Nước ngập kèm theo mất đất và xâm mặn sẽ không những đe dọa nghiêm trọng đến cuộc sống của vài chục triệu dân, mà còn tạo nên những thiếu hụt và thách thức nghiêm trọng đối với cả nền kinh tế quốc dân. Thậm chí, khi hai vựa lúa của đất nước bị thu hẹp, thì khả năng đe dọa đến an ninh lương thực quốc gia là điều phải tính đến.

Như vậy, BĐKH cùng những biểu hiện cực đoan của nó là bão lụt, sạt lở đất... đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế và tổn thất nặng nề về người và tài sản, làm suy giảm phúc lợi quốc gia, mà đáng lý ra, nên không có những hậu quả thiên tai, thì nguồn lực to lớn đó đã phục vụ cho xã hội để nâng cao chất lượng cuộc sống và tái đầu tư, nhằm mục tiêu Ptr. CN.

2.4. BĐKH đã và sẽ đẩy lùi những thành tựu giảm nghèo:

Mỗi đe dọa của BĐKH về cơ bản có tác động đến cuộc sống của tất cả mọi người, không loại trừ ai. Tuy nhiên, chính người nghèo ở nông thôn lại đang phải trực tiếp đối mặt với những thách thức của BĐKH trong bối cảnh kinh tế - xã hội và thể chế đang thay đổi ở nước ta. Người nghèo nông thôn thường sống trong môi trường tối thiểu, thiếu thông tin, phụ thuộc nhiều vào sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và nghề cá. Đó là các nghề phụ thuộc khá nhiều vào tự nhiên. Khi nhiệt độ, tính biến động của khí hậu tăng lên sẽ ảnh hưởng trước tiên tới sinh kế của người nông dân. Sự bất thường của chu kỳ sinh khí hậu nông nghiệp không những dẫn tới sự gia tăng các dịch bệnh, dịch hại, giảm sút năng suất cây trồng. ở nhiều địa phương, mùa màng đã bị mất trắng do tác động thiên tai, dịch bệnh lan tràn... thậm chí có thể kéo theo các rủi ro nghiêm trọng khác: dịch bệnh ở vật nuôi, gia súc gia cầm, gây lây nhiễm sang người... Họ lại chính là người đang bị thiên tai tước đoạt dần những nguồn tài sản ít ỏi và là chỗ dựa an toàn, trở thành đối tượng dễ bị tổn thương hơn cả.

BĐKH gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng đối với cư dân vùng ven biển (VVB). Ở Việt Nam, có khoảng 18 triệu dân cư nông, ngư nghiệp sống ở các VVB, xấp xỉ 58% sinh kế vùng ven biển dựa vào đánh bắt cá và nuôi trồng thủy sản - Đây là ngành hiện đang được coi là lĩnh vực hiệu quả, tạo ra giải pháp thay thế tránh lệ thuộc vào các đàn cá tự nhiên (MoNRE 2006). Từ 1994 đến 2005, giá trị xuất khẩu thủy hải sản tăng từ 621,4 triệu lên 2.739 triệu USD, đạt 10% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên, BĐKH đã gây ra sóng lở bờ biển (ở Cà Mau có nơi đã bị xói lở xuống biển tới 600ha, với các dải đất rộng tới 200m), làm suy thoái ĐDSH, nhất là đang mất dần

các loại cá nhiệt đới có giá trị thương phẩm cao. Kết quả là, tiềm năng kinh tế biển nước ta là rất lớn nhưng đang bị suy giảm ít nhất 1/3 sản lượng so với hiện nay. Người dân VVB vốn đã nghèo sẽ càng trở nên khốn khó, khi thiên tai hàng ngày đe dọa cuộc sống của họ; thậm chí cướp đi tài sản và những người thân yêu, chỗ dựa an toàn của họ. Chính vì vậy, tỷ lệ nghèo vùng ven biển miền Trung, nơi thường xảy ra bão và hạn hán tới 25,5% (2004), so với tỷ lệ này ở đồng bằng chỉ là từ 5% -7%⁷. Những người nghèo nhất chính là những người bị tổn thương từ nhiều cú sốc gây nguy hại cho cuộc sống và sinh kế của họ. Đặc biệt là người dân miền Trung luôn phải chịu nhiều thiệt hại do thiên tai, mất của cải và các phương tiện sản xuất và tăng dần khả năng không thể hoàn nợ... Thêm vào đó, tình trạng thiếu lương thực sẽ đẩy giá tăng cao, đói nghèo, bệnh tật cũng là những điều làm giảm năng lực ứng phó của người nghèo trước những thiệt hại của thiên tai.

Nhìn chung nước ta vẫn là một nước thu nhập thấp, chất lượng giảm nghèo chưa cao. Nên chỉ cần một vài biến động thiên tai, nếu thiếu sự hỗ trợ của nhà nước và cộng đồng, thì một bộ phận dân số vừa thoát nghèo lại dễ dàng tái nghèo trở lại. Với dự báo về một tương lai không thuận lợi, nếu không có những hoạt động thích ứng kịp thời ngay từ bây giờ, thì Việt Nam, từ một quốc gia có tỷ trọng xuất khẩu gạo đứng thứ 2 thế giới, sẽ phải đối mặt với nguy cơ thiếu lương thực và cảnh đói nghèo lại tìm thấy “cái vòng luẩn quẩn” vốn có của nó. Nghèo đói gia tăng luôn đồng nghĩa với sự cắt giảm phân dinh dưỡng cần thiết để đảm bảo một cuộc sống khoẻ mạnh và trường thọ. Như vậy, BĐKH có thể đang và sẽ tước đoạt đi các quyền cơ bản: cơ hội học tập, tiếp cận thông tin, chăm sóc sức khoẻ và một cuộc sống no đủ của người dân, đẩy lùi những nỗ lực về Ptr. CN ở nước ta.

2.5. Thảm họa môi trường do BĐKH đã, đang và sẽ tước đoạt các quyền cơ bản của người dân: quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc...:

Việt nam đã chứng kiến những thảm họa môi trường: bão lụt, lũ quét và hạn hán ngay từ khi những tranh luận về BĐKH vẫn đang diễn ra gay gắt, trung bình mỗi năm nước ta phải chịu từ 6 - 7 trận bão và áp thấp nhiệt đới. Riêng ở miền Trung (từ 1995 đến 1999), đã phải chịu tới 13 cơn bão, 5 áp thấp nhiệt đới và 23 đợt gió mùa Đông Bắc, kéo theo ngập lụt và lũ quét ở nhiều nơi, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản của Nhà nước và nhân dân. Ước tính có tới 80-90% dân số nước ta hàng năm phải chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão lụt và thiệt hại nặng nề nhất vẫn đổ vào những người nghèo.

Trên thực tế, chúng ta đã phải chứng kiến những thảm họa nghiêm trọng của thiên tai trong suốt mấy thập kỷ qua. Hiện tượng thiên tai nêu trên đang có xu hướng ngày càng nghiêm trọng hơn, đã và đang tước đoạt quyền được sống và cơ hội phát triển của hàng triệu người dân, tước đoạt đi biết bao cả nhiều ngàn sinh mệnh - vốn nhân lực của đất nước, cùng những tài sản vốn đã quá ít ỏi mà người dân vô cùng vất vả để tích lũy được.

1) Về những tổn thất về người và tài sản do bão lụt cướp đi trong thập niên trước (1991 -2000) có thể khái quát một vài số liệu điển hình: hơn 8.000 người đã bị

thiệt mạng do thiên tai (bão, lụt, lũ quét); khoảng 9.000 tàu thuyền của ngư dân bị nhấn chìm; trên 6 triệu ngôi nhà và hàng trăm công trình bị phá huỷ...., gây thiệt hại về giá trị kinh tế trong thời gian đó vào khoảng 2,8 tỷUSD. Riêng năm 1996, tổng thiệt hại do bão lũ là 700 triệuUSD và làm thiệt hại tới 400 người (CCFSC.2001); Đặc biệt là hai cơn lũ lụt được gọi cơn lũ thế kỷ, xảy ra liên tiếp từ đầu tháng 11 đến đầu tháng 12 năm 1999, đã làm thiệt mạng 750 người, tổn thất về tài sản và mùa màng lên đến 300 triệu USD.

Hộp1: Hệ thống phân loại các tai biến thiên nhiên liên quan đến khí hậu theo vùng của Việt Nam

Vùng địa lý	Vùng tai biến	Các tai biến thiên tai chính
Miền Bắc	Vùng cao phía Bắc	Lũ quét, trượt đất, động đất
	Đồng bằng Sông Hồng	Lũ sông khi có gió mùa, bão, nước dâng cao do bão vùng ven biển
Miền Trung	Các tỉnh duyên hải miền Trung	Bão, nước dâng cao do bão, lũ quét, hạn hán, xâm mặn
	Tây Nguyên	Lũ quét, trượt đất
Miền Nam	Đồng bằng Sông Cửu Long	Lũ sông, bão, triều cường và nước dâng cao do bão, xâm mặn

(Nguồn: CCFSC)

2) Trong khi đó, mức thiệt hại do bão lụt ở thập kỷ này đang gia tăng theo cấp số nhân: năm 2006, tổng thiệt hại do bão lũ lên tới 1,2 tỷ USD, thậm chí chỉ một cơn bão đã có mức thiệt hại bằng tổng thiệt hại tất cả các trận bão vào năm 1996. Tiếp đó là 2 trận lũ được coi là tồi tệ nhất ở ĐBSCL xảy ra vào 2 năm 2000 và 2001 đã cướp đi 884 người, đa số trong đó là trẻ em; lũ lụt phá huỷ tổng cộng 1.250.000 ngôi nhà và lớp học, nhiều cầu cống và đường xá, (MoNRE.2003). Gây nên những thiệt hại to lớn về mùa màng và sinh kế của người dân ở một xứ đã nghèo, lại càng khó khăn hơn về cơ hội ứng phó. Đặc biệt là người dân VVB miền Trung, với biên độ và cường độ gia tăng bất thường của những cơn bão nhiệt đới, gây nên những trận mưa lớn và ngày càng khốc liệt hơn, thì người dân ở đây đã, đang và sẽ còn là những người phải chịu hậu quả khốc liệt nhất của thiên tai trong những năm tới (xem thêm phụ lục về số liệu thiệt hại ở sau báo cáo).

3) Những tổn thất nặng nề trong nông nghiệp và đang gia tăng do hạn hán dưới tác động của hiện tượng El Nino, đang cướp đi quyền được có một cuộc sống no đủ của người dân Miền Trung -Tây Nguyên. Theo thống kê của Cục Thủy lợi, Bộ NN&PTNT, trong vòng 46 năm qua (1960-2006), Việt Nam có tới 34 năm có hạn hán (chiếm 74% quỹ thời gian). Đặc biệt, trong những năm gần đây tình trạng này càng thêm khốc liệt hơn. Nguyên nhân chủ yếu là do sự biến động của thời tiết, khí hậu ngày càng phức tạp, nhu cầu nước tăng nhanh do dân số tăng và để phát triển kinh tế, mở rộng nguồn năng lượng. Khi có El Nino, thời tiết có thể sẽ ẩm hơn, tuy nhiên nó đặc biệt nguy hiểm là ngoài việc gây hạn hán liên tục và kéo dài, làm giảm đến 20-

25% lượng mưa ở miền Trung -Tây Nguyên, gây ra hạn hán phổ biến và kéo dài, đã tước đoạt công sức lao động và luôn cả miếng ăn của người dân ở đây. Trong 10 năm qua, dưới tác động của El Nino gây thiệt hại tới chục nghìn tỷ đồng: *Trường hợp El Nino 1997-1998 diễn ra ở hầu khắp đất nước do mùa mưa năm 1997 kết thúc sớm 1 tháng, lượng mưa 6 tháng đầu năm chỉ đạt 30-70% trung bình nhiều năm, có nơi 2-3 tháng không mưa; nhiều đợt nắng nóng kéo dài, sông suối khô cạn. Lúa đông xuân hạn 253.988 ha, trong đó mất trắng 30.739 ha; lúa hè thu hạn 359.821ha, mất trắng 68.590 ha; ngay lúa mùa hạn có 153.072 ha cũng mất trắng 22.689 ha. Cây công nghiệp và cây ăn quả hạn 236.413 ha, chết khô 50.917 ha. Thời gian đó có tới 3,1 triệu người thiếu nước sinh hoạt. Tổng giá trị thiệt hại tới 5.000 tỷ đồng¹. Bên cạnh các cơn bão lũ lớn trong mùa mưa, sự thiếu nước trầm trọng và dài hơn vào mùa khô sẽ dẫn đến nhiễm mặn sâu hơn, ô nhiễm môi trường, suy thoái đất và các loài vật hoang dã và ngoài ra còn có thể gây ra phá sản hàng chục ngàn các hộ nuôi trồng thủy sản và nông nghiệp trong vùng. Những người nghèo ở đây sẽ càng nghèo hơn do bị mắc kẹt sâu hơn trong vòng luẩn quẩn tăng nợ và cần các khoản vay hỗ trợ thêm để khắc phục hậu quả và tiếp tục nâng cao khả năng ứng phó. Tuy nhiên, năng lực ứng phó với thiên tai của người dân nơi đây, vì nhiều lý do, còn đang rất hạn chế.*

2.6. BĐXH gây ra không biết bao nhiêu tổn thất về người và tài sản của Nhà nước và của nhân dân; Nhà nước bị suy giảm phúc lợi quốc gia do sự thiệt hại về tài sản, do phải bỏ một khoản lớn ngân sách dự phòng hàng năm cho việc khắc phục thiên tai và hỗ trợ những cộng đồng bị thiệt hại. Những chi phí không mong muốn đó đã làm suy giảm đi nhiều khoản chi cần thiết cho xã hội: y tế, giáo dục, xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản...nhằm Ptr. CN;

BĐKH đang gặm mòn chất lượng cuộc sống của người dân và làm gia tăng các vấn đề xã hội:

Sơ bộ về bức tranh của những nguy cơ từ BĐKH và những thiệt hại chưa đầy đủ nêu trên đã thể hiện rõ, BĐKH đã, đang và sẽ là nguy cơ đẩy lùi những thành quả của Ptr. CN ở nước ta, đang làm suy giảm chất lượng cuộc sống mà toàn Đảng, toàn dân ta đã nỗ lực vượt qua bao khó khăn mới tạo dựng được. Rõ ràng là BĐKH đã khép dần lại những cơ hội của người dân để vươn tới một cuộc sống có ý nghĩa khi nghèo đói vẫn như một căn bệnh khó chữa, không buông tha những người dân nông thôn, DTTS ở vùng sâu vùng xa.... đang ở chính những nơi đang cần sức bật vươn lên nhất, để có một sự phát triển hài hoà giữa các vùng trên cả nước. Tuy nhiên, khó khăn về sinh kế của người dân không thể tạo dựng được một cuộc sống no đủ, văn minh, khi ngày càng gia tăng những đứa trẻ thất học; vẫn còn nhiều người nghèo ốm đau không có thuốc chữa chạy....; từ cuộc sống khó khăn khiến cuộc sống của người dân kém lành mạnh hơn: trong xã hội trộm cắp, lừa đảo, tội phạm vẫn gia tăng đặc biệt sau những thảm họa thiên tai cùng với sự gia tăng của người nghèo; an ninh con người cũng bị đe dọa nhiều hơn, khi những nạn nhân bị lừa gạt buôn bán qua biên giới vẫn là

¹ Thông tin của Cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2007.

những phụ nữ của những gia đình nghèo; an toàn thực phẩm không đảm bảo, bởi sự eo hẹp về kinh tế và duy giảm những nguồn cung cấp lương thực, thực phẩm, khiến con người trở nên ứng xử với nhau thiếu nhân văn hơn.... Chưa tính đến suy thoái môi trường tự nhiên, từ góc độ xã hội, chất lượng cuộc sống của chúng ta đang bị suy giảm như vậy.

Hiện nay, cùng với tác động của ĐTH, “cái nghèo” đã xuôi về đô thị, một mặt, sinh kế nông nghiệp suy giảm do thiên tai; mặt khác, diện tích canh tác thu hẹp, suy thoái đất và thiếu nước canh tác ngày càng trầm trọng, làm cho những làn sóng di cư mưu sinh đang gia tăng theo nhiều chiều. Hướng chủ yếu là về các đô thị và các khu công nghiệp lớn. Người nông dân vào lúc nông nhàn thường tìm về các đô thị với những công việc thời vụ, thiếu ổn định để kiếm kế sinh nhai; một số lực lượng lao động trẻ lao về các KCN và khu chế xuất để tìm việc; và một hướng di chuyển trở vào những khu vực có mật độ dân cư thưa như Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, nơi còn có thể tìm được diện tích đất để canh tác.... Chưa nói đến những tác động dây chuyền của hiện tượng di dân do những biến động môi trường, gây nên nhiều vấn đề xã hội khác, trong trường hợp này, liệu có thể có một chất lượng sống tốt khi cuộc sống của bản thân người dân không ổn định, khi phải tồn tại với những điều kiện sống tối thiểu?

Thực tế cho thấy, những nạn nhân thường thấy của thiên tai và những biến động môi trường: tử vong, thương tật, bệnh dịch hay nghèo đói..... người chịu thiệt hại nặng nề nhất là phụ nữ và trẻ em. Họ vốn đã là đối tượng dễ bị tổn thương, trong những điều kiện sống tối thiểu, sức khỏe và khả năng chịu đựng trở nên hạn chế, họ càng trở nên nhỏ bé, yếu ớt trước sức mạnh của môi trường. Vì vậy, sự phân biệt đối xử và bất bình đẳng giới lại có xu hướng gia tăng cùng với những khó khăn do hậu quả của BĐKH.

Một vài lý giải trên cho thấy, rõ ràng là dưới những tác động của BĐKH và các hình thức cực đoan của nó, cơ hội của người dân để vươn tới một cuộc sống no đủ, khỏe mạnh, trường thọ và có ý nghĩa là đang bị đe dọa, nguy cơ đó không chỉ đối với hôm nay, mà cả tương lai.

2.7. BĐKH tác động tới sức khỏe con người

Sức khỏe của con người gắn liền với mọi biến động của môi trường sống. Mọi liên quan này cực kỳ phức tạp và khó lường. Các chuyên gia sức khỏe đã khẳng định, có đến trên 40% bệnh tật nảy sinh là do nguyên nhân từ môi trường sống. Những biến động của BĐKH hiện nay đang trở thành mối đe dọa cho sức khỏe con người.

1) Trước hết là thương tật của người dân gia tăng mà do hiện trạng về số lượng, sự nguy cấp và xu hướng của nó vẫn đang được chúng ta chứng kiến hàng ngày.

2) Loại, thời tiết,, ve, dị ứng phấn hoa luôn tồn tại ở những khu vực vừa xảy ra thiên tai, có tới sức khỏe của dân cư ở

3) Tỷ lệ bệnh tật, tỷ lệ tử vong tăng do ô nhiễm môi trường, do các đợt nắng nóng bất thường và do có là sự xuất hiện các chủng loại vi sinh vật gây bệnh mới. Trong vòng 25 năm qua đã xuất hiện hơn 30 bệnh lạ của con người, trong đó có các bệnh truyền nhiễm cực kỳ nguy hiểm lan truyền từ động vật như: SARS, cúm gia cầm

H5N1, bệnh lợn tai xanh và HIV/AIDS, gây ra nhiều viêm não mủ, ung thư... làm suy giảm chất lượng dân số.

4) Ngoài ra, không khí bị ô nhiễm còn làm gia tăng chi phí cho khám chữa bệnh ở các bệnh đường hô hấp: viêm phế quản, viêm phổi do ảnh hưởng đến sức khoẻ của hàng triệu người.

2.8. Lượng mưa nhiều trên khắp cả nước thường xuyên hơn ở một số vùng, gây ra những trận lụt nghiêm trọng, trong khi mưa đã giảm ở hầu hết các vùng trong cả nước, gây ra tình trạng hạn hán có thể dẫn tới bất ổn về chính trị xã hội

1) BĐKH là nguy cơ gây suy thoái môi trường và suy giảm ĐDSH, có ảnh hưởng đến Ptr. CN. Thiết tưởng điều này không gắn kết chặt chẽ với Ptr. CN, nhưng trên thực tế nó có thể trở thành nguyên nhân làm suy giảm năng suất cây trồng vật nuôi, suy giảm năng suất khai thác thủy hải sản. Hơn nữa, sự sẽ còn là nguyên nhân gây ra nhiều căn bệnh mới cho con người.

2) BĐKH có thể làm suy thoái tài nguyên nước, trong khi nhu cầu dùng nước sinh hoạt cho con người, nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, năng lượng cũng giao thông... đều gia tăng.

3) Đặc thù của sông ngòi nước ta là có thể trở thành nguy cơ giữa các quốc gia, cộng đồng dùng chung.

4) BĐKH còn là nguyên nhân gây nên các biến động về di dân, do mất nơi ở, mất đất canh tác hoặc do bệnh tật và nghèo đói. Quan điểm truyền thống có câu “đất lành chim đậu”. Con người luôn có xu hướng tìm đến nơi ở thuận lợi hơn cho mình, đó là quyền của con người. Tuy nhiên, khi đến nơi ở mới, họ lại tiếp tục các hoạt động phá vỡ môi trường như từng làm ở nơi ở cũ để phục vụ nhu cầu cá nhân. Mọi thứ đều lặp lại, mảnh đất mới sẽ lại trở thành “đất dữ” như trước và con người lại di cư. Đất lành ngày càng ít, hạn hán lũ lụt ngày càng nhiều. Những cuộc di cư sẽ ngày càng gia tăng trên diện rộng và tranh chấp đất đai cũng sẽ gia tăng. Nếu con người không học cách chung sống hoà bình với môi trường, bảo vệ môi trường thì chính họ sẽ phải chịu nhiều hậu quả hơn từ BĐKH.

Hơn nữa, các chuyên gia quốc tế đã cảnh báo cho rằng, vấn đề tị nạn môi trường/khí hậu (dù trong nước hay quốc tế), không chỉ đơn thuần là vấn đề kinh tế - xã hội, mà có thể còn là vấn đề về an ninh chính trị. Di dân mùu sinh cũng rất dễ dẫn đến việc xung đột tranh chấp đất đai và các nguồn tài sản thu được với những cư dân bản địa. Biến động di dân gia tăng sẽ rất phức tạp về mặt chính trị bởi khó kiểm soát. Đây là vấn đề mới mà các tổ chức liên minh quốc tế, đặc biệt là NATO đang quan tâm

2.9. BĐKH gây ra những tổn thất nhiều mặt không chỉ cho thời đại chúng ta mà cho cả các thế hệ tương lai

Các chuyên gia khoa học và các nhà quản lý - lãnh đạo thế giới đều thống nhất rằng, BĐKH không chỉ là vấn đề của hiện tại, mà còn là vấn nạn của tương lai. Sự ấm lên của khí hậu, dẫn đến ngập lụt do nước biển dâng là không tránh khỏi, nhưng thiệt hại khôn lường khi đất lục địa thu hẹp, nguồn sống càng suy giảm, môi trường trở nên

ô nhiễm hơn, con cháu chúng ta lại ngày một đông lên...., họ sẽ sống ra sao trong thế giới này? Vấn nạn của các thể hệ tương lai là ở chỗ đó.

Trong tương lai không xa, nếu nhiệt độ tăng thêm 2°C, thì khoảng 22 triệu người dân sẽ phải di dời, tức trên 1/5 dân số nước ta sẽ trở thành “người vô gia cư, bán quán” vì mất nhà cửa, ruộng vườn. Đây là một thách thức nghiêm trọng đối với nền kinh tế đất nước trong tương lai, khi cần phải có một nguồn kinh phí khổng lồ để di dời chỗ ở và ổn định cuộc sống cho vài chục triệu dân. Thêm vào đó, nhiều vấn đề xã hội chắc chắn sẽ nảy sinh trong cuộc sống bấp bênh của những người “tị nạn thiên tai”: trước hết là cảnh nghèo đói và bất ổn định, dẫn tới sự thất học, bệnh tật và suy dinh dưỡng của các thế hệ sau, như vậy, chất lượng dân số sẽ bị suy giảm là khó tránh khỏi. Chưa nói đến những xung đột tranh chấp rất dễ xảy ra, khi mọi nguồn sống bị cạn kiệt.

Có lẽ không ai trong chúng ta có thể hình dung nổi, vào một thời điểm nào đó trong tương lai, Việt Nam sẽ không còn 2 vựa lúa, nhiều di sản thiên nhiên, di tích văn hoá đã từng là minh chứng của lịch sử hàng ngàn năm, như Hội An, Hạ Long, Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, và các đảo ngoài thềm lục địa..... cũng sẽ bị biển nhấn chìm? Lúc đó nguy cơ của cuộc sống không chỉ là sự thiếu đói bản cùng hay các bệnh tật tàn khốc, mà còn là cả một mảnh đất hoang tàn, thiếu những điều kiện để có một cuộc sống văn minh, ít nhất là như chúng ta đang sống. Họ sẽ nghĩ gì về chúng ta? những thế hệ cha ông đã để lại cho họ cả một hiểm họa cuộc sống?

Như vậy, BĐKH không phải chỉ là vấn đề của hôm nay, mà còn liên quan chặt chẽ đến tương lai dân tộc. Hiện nay, nó đang đe dọa làm xói mòn các quyền tự do và hạn chế phạm vi lựa chọn của chúng ta. Nó đang đòi hỏi chúng ta phải cân nhắc những nguyên tắc của thời đại văn minh, phải hành động một cách nhân văn, đó là tiến bộ của loài người sẽ làm cho tương lai trở nên tươi sáng hơn, chứ không thể để như những bức tranh tương lai đã được dự báo. Đó là trách nhiệm của chúng ta. Về điều này, *Biến đổi khí hậu cũng đặt ra những câu hỏi quyết liệu rằng chúng ta quan niệm thế nào về sự liên hệ của chúng ta đối với các thế hệ sau. Các thế hệ tương lai sẽ nhìn nhận cách chúng ta ứng phó với hiện tượng biến đổi khí hậu như là thước đo giá trị đạo đức của chúng ta.* Báo cáo gần đây nhất của Ủy ban liên quốc gia về BĐKH đã khẳng định, BĐKH gây ra tử vong và bệnh tật thông qua hậu quả của các dạng thiên tai như sóng nhiệt/nóng, bão, lũ lụt, hạn hán... Do nhiều bệnh sẽ gia tăng dưới tác động của sự thay đổi nhiệt độ và hoàn cảnh, nhất là các bệnh truyền qua vật trung gian như sốt rét (do muỗi truyền), sốt xuất huyết (muỗi), viêm não (muỗi) qua môi trường nước (các bệnh đường ruột), và các bệnh khác (suy dinh dưỡng, bệnh về phổi...).

Những bệnh này đặc biệt ảnh hưởng lớn tới các vùng kém phát triển, đông dân và có tỷ lệ đói nghèo cao.

Đặc biệt, ở Việt Nam, trong thời gian qua cũng xuất hiện một số bệnh mới ở người và động vật (tả, cúm gia cầm, bệnh tai xanh...) nhiều bệnh có diễn biến phức tạp và bất thường hơn (sốt xuất huyết) và gây ra những thiệt hại đáng kể.

3. Một số khuyến nghị đề xuất cho giải pháp ứng phó BĐKH nhằm đảm bảo Ptr. CN bền vững ở Việt Nam

1. Nâng cao năng lực quốc gia và xây dựng năng lực địa phương để đảm bảo xây dựng và thực hiện các biện pháp ứng phó hiệu quả. Tăng cường điều phối giữa các Bộ ngành và tăng cường hợp tác với các cơ quan quốc tế, các tổ chức NGO quốc tế để có thể giải quyết những vấn đề của BĐKH trong sự lồng ghép với các giải pháp chiến lược phát triển kinh tế-xã hội và giảm nghèo.

2. Xây dựng những cơ quan, tổ chức chuyên nghiên cứu về những nguy cơ của BĐKH và đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng kế hoạch Việt Nam ứng phó với BĐKH. Nhận thức được tầm quan trọng và tính khẩn cấp của công tác ứng phó, Chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn UNFCCC năm 1994 và Nghị định thư Kyoto năm 2002; tập trung vào các hoạt động kiểm kê và giảm thiểu phát thải khí nhà kính; Xây dựng các Chiến lược QG về BĐKH & các Báo cáo QG gửi cho UNFCCC (MoNRE 2003); Ngày 16/11/2007, Bộ trưởng Bộ TN-MT đã ra Quyết định số 1819/QĐ-BTNMT về việc "Ban hành Chương trình hành động của Bộ TNMT thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của WTO giai đoạn 2007 - 2010"..

3. Ở các cấp địa phương cũng cần hình thành những tổ chức chân đất để có những nghiên cứu dự báo và hướng dẫn nâng cao khả năng ứng phó với những nguy cơ của BĐKH cho phù hợp với đặc thù từng địa phương. Những hoạt động ứng phó, giải pháp thực hiện, cách thức tổ chức..., cần được xây dựng dựa vào những thực tiễn thích ứng của địa phương nếu thích hợp. Người nghèo dù là “người gặp rủi ro” cũng cần phải trở thành những chủ thể tham gia chủ yếu trong kế hoạch thực hiện các biện pháp thích ứng BĐKH, nhất là ở những nơi các biện pháp đó đòi hỏi phải di dời, hoặc từ bỏ đáng kể các phương thức sinh kế hiện có, thì kế hoạch ứng phó phải được thực hiện trên cơ sở nhận thức tốt và chủ động trong tham gia của người dân.

4. Xây dựng kế hoạch lồng ghép các hoạt động thích ứng BĐKH vào các chương trình giảm nghèo; đồng thời xây dựng các tập thông tin chi tiết, dễ hiểu về nguy cơ của BĐKH và cung cấp cho đông đảo người dân, đặc biệt đối với những người dân ở vùng thường xuyên chịu hậu quả thiên tai thì cần có kế hoạch và chương trình cập nhật thông tin đến từng cơ sở, từng người. Bởi người nghèo là đối tượng thường phải chịu rủi ro BĐKH nặng nề nhất, nhưng họ lại thiếu thông tin và hạn chế về khả năng ứng phó.

5. Trên cơ sở xem xét quyền và cơ hội của người dân trong khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên mà họ sống phụ thuộc, với việc phân bổ hợp lý giữa các địa phương và giữa các đối tượng người nghèo chịu rủi ro, cần xem xét và tăng cường hỗ trợ sinh kế, tăng thu nhập và tăng cường sức dẻo dai và năng lực ứng phó của sinh kế cho người nghèo, nhất là khi phải đối mặt với những rủi ro của BĐKH đang gia tăng.

6. Tăng cường phổ biến hướng dẫn khuyến nông cho người nghèo, mở rộng sinh kế bằng cách đa dạng hoá hoạt động sản xuất và thu nhập. Tôn trọng và đề cao các quyền quản lý tài sản chung của người dân, tăng cường an ninh cộng đồng và tập thể, cùng họ xây dựng các kế hoạch ứng phó và tăng cường rèn luyện khả năng sẵn sàng ứng phó với thiên tai của người dân.

7. Các biện pháp nhằm thích nghi với BĐKH cần chú trọng:

- Tăng cường phân cấp quản lý tốt các nguồn nước;
- Xây dựng và luyện tập các giải pháp thích nghi và ứng phó thiên tai;
- Vận dụng các phương thức cảnh báo thiên tai sớm;
- Tăng cường kiểm soát các bệnh dịch nguy hiểm, phối hợp với các cơ quan dịch tễ phát hiện kịp thời các cơn bệnh mới;
- Xây dựng và tăng cường khả năng thích nghi, ứng phó kịp thời và phục hồi nhanh chóng khi thiên tai xảy ra;
- Chuẩn bị năng lực ứng phó khẩn cấp khi phải di dời dân cư, có phương án hỗ trợ vùng bị ảnh hưởng và tạo điều kiện thuận lợi để những người dân tị nạn môi trường nhanh chóng ổn định cuộc sống.

CHÚ THÍCH

¹ HDR Việt Nam: *Đổi mới và phát triển con người*. NXB. Chính trị Quốc gia. Hà Nội. 2001. Tr. 13 Hoặc UNDP. 1991. tr.1

² UNDP và Amartya Sen. *Development as freedom*. 1998

³ Số liệu của UNDP tại Hội thảo “Tăng cường vai trò tác động chính sách của các HDRs ở Việt Nam”. 11/2007.

³ Nhận định của ông Hansen Nobber, Giám đốc Viện Nghiên cứu Môi trường Posdam ở Đức đưa ra tại Baly, nhân hội nghị LHQ về BĐKH (2007).

⁴ UNDP. HDR 2007-2008. *Cuộc chiến chống BĐKH: đoàn kết nhân loại trong một thế giới phân cách*.

⁵ Bài phát biểu tại Lễ công bố HDR 2007-2008. UNDP tại Việt Nam.

⁶ Dasgupta, S. Laplante, B. Meisner, C. Wheeler, D. Yan, J. (2007). Ảnh hưởng của mực nước biển dâng cao ở các nước đang phát triển. Một nghiên cứu phân tích so sánh. Ngân hàng thế giới. Báo cáo số 4136. Nghiên cứu so sánh mẫu của 84 quốc gia ven biển trên thế giới về: diện tích đất, dân số, GDP, phạm vi đô thị, phạm vi nông nghiệp và đất ngập nước. Việt Nam đứng đầu danh sách 4 trong 6 nước chịu nặng nề nhất.

⁷ VASS. HDR. 2006.